

## **Tìm hiểu Công ước của Liên Hợp quốc về Luật Biển năm 1982**

Công ước về Luật biển đã được 117 quốc gia và thực thể, trong đó có Việt Nam thông qua và ký kết vào ngày 10/12/1982. Với 17 phần, 320 điều khoản và 9 phụ lục với 100 điều khoản, 4 nghị quyết kèm theo, Công ước về Luật biển 1982 (Luật biển quốc tế năm 1982) thực sự là một bản hiến pháp về biển của cộng đồng quốc tế, tổng hợp toàn diện, bao quát được tất cả những vấn đề quan trọng nhất về chế độ pháp lý của biển cả và đại dương thế giới; quy định được những quyền lợi và nghĩa vụ về nhiều mặt của mọi loại quốc gia (có biển cũng như không có biển) đối với các vùng biển thuộc quyền tài phán quốc gia cũng như đối với những vùng biển thuộc phạm vi quốc tế.

Theo Luật biển quốc tế 1982, biển và đại dương được phân bố thành hai khu vực: khu vực các vùng biển nằm tiếp giáp với lãnh thổ quốc gia ven biển thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của quốc gia ven biển; khu vực biển cả, đáy và lòng đất dưới đáy biển không thuộc chủ quyền của nước nào, các nước được hưởng quyền tự do biển cả trong khu vực này.

### **Một là, về các vùng biển tiếp giáp lãnh thổ quốc gia ven biển gồm:**

- *Vùng nước nội thủy*, là vùng nước nằm phía bên trong của đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải, tại đó quốc gia ven biển thực hiện chủ quyền hoàn toàn, tuyệt đối và đầy đủ như trên lãnh thổ đất liền, bao gồm : các vùng nước cảng biển; các vũng tàu, cửa sông, các vịnh, các vùng nước nằm giữa lãnh thổ đất liền và đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải. Luật biển quốc tế 1982 quy định về quyền tự do thông thương của tàu thuyền thương mại; thẩm quyền tài phán dân sự; thẩm quyền tài phán hình sự của quốc gia ven biển.

- *Lãnh hải*, chiều rộng không quá 12 hải lý kể từ đường cơ sở vạch ra theo đúng Công ước. Ranh giới phía ngoài của lãnh hải là đường chạy song song với đường cơ sở và cách đều đường cơ sở một khoảng cách tối đa là 12 hải lý và được coi là đường biên giới quốc gia trên biển. Như vậy, lãnh hải là vùng biển nằm giữa vùng nước nội thủy và các vùng biển thuộc quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia. Về bản chất pháp lý, thuật ngữ lãnh hải là sự kết hợp giữa hai từ lãnh thổ và biển. Lãnh hải là một vùng biển đệm giữa một bên là lãnh thổ do quốc gia ven biển thực hiện chủ quyền hoàn toàn, đầy đủ và bên kia là các vùng biển mà tại đó các quyền chủ quyền và quyền tài phán của quốc gia ven biển được hạn chế bởi các nguyên tắc tự do trên biển và nguyên tắc di sản chung của nhân loại. Luật biển quốc tế coi lãnh hải như một “lãnh thổ chìm”, một bộ phận hữu cơ của lãnh thổ quốc gia, trên đó quốc gia ven biển thực hiện thẩm quyền riêng biệt về phòng thủ quốc gia, về cảnh sát, thuế quan, đánh cá, khai thác tài nguyên thiên nhiên, đấu tranh chống ô nhiễm, như quốc gia đó tiến hành trên lãnh thổ của mình. Chủ quyền giành cho quốc gia ven biển trên lãnh hải không phải là tuyệt đối như trên các vùng nước nội thủy, do sự thừa nhận quyền đi qua không gây hại của tàu thuyền nước ngoài trong lãnh hải.

Về đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải gồm có đường cơ sở thông thường và đường cơ sở thẳng. Cách tính đường cơ sở thông thường là ngấn nước triều thấp nhất dọc theo bờ biển, như được thể hiện trên các hải đồ tỷ lệ lớn đã được các quốc gia ven biển chính thức công nhận. Cách tính đường cơ sở thẳng có ba cách. Đó là : ở những nơi bờ biển khúc khuỷu, bị khoét sâu và lồi lõm; ở những nơi có một chuỗi đảo chạy qua; ở những nơi có các điều kiện thiên nhiên đặc biệt gây ra sự không ổn định của bờ biển như sự hiện diện của các châu thổ. Tuy nhiên, đường cơ sở thẳng vạch ra này phải đi theo xu hướng chung của bờ biển và không được cách xa bờ.

Tàu thuyền của các nước có quyền đi qua không gây hại trong phạm vi lãnh hải của các quốc gia ven biển; các quốc gia ven biển có thể quy định cụ thể chế độ pháp lý để điều chỉnh hoạt động của tàu thuyền nước ngoài khi đi qua lãnh hải nhằm đảm bảo chủ quyền, an ninh quốc gia và lợi ích của mình. Nếu một tàu chiến không tôn trọng các luật và quy định của quốc gia ven biển có liên quan đến việc đi qua trong lãnh hải, thì quốc gia ven biển có thể yêu cầu chiếc tàu đó rời khỏi lãnh hải ngay lập tức. Tàu

ngầm thực hiện quyền đi qua không gây hại phải đi ở trạng thái nổi và phải treo cờ quốc tịch. Nghĩa của việc đi qua là đi qua lãnh hải mà không vào nội thủy, đi qua lãnh hải để vào nội thủy hoặc rời nội thủy ra biển. Việc đi qua phải là liên tục và nhanh chóng. Tuy nhiên, việc đi qua bao gồm cả việc dừng lại và thả neo, nhưng chỉ trong trường hợp gặp những sự cố thông thường về hàng hải hoặc vì một trường hợp bất khả kháng hay mắc nạn hoặc vì mục đích cứu giúp người, tàu thuyền hay phương tiện bay đang lâm nguy hoặc mắc nạn. Nghĩa của việc đi qua không gây hại là các loại tàu thuyền nước ngoài được quyền đi qua lãnh hải của quốc gia ven biển là việc đi qua không gây hại, xâm phạm tới chủ quyền, an ninh, lợi ích của quốc gia ven biển. Tàu thuyền nước ngoài khi đi qua lãnh hải không được tiến hành một hoặc bất kỳ hoạt động nào sau đây : đe dọa hoặc dùng vũ lực chống lại chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ hoặc độc lập chính trị của quốc gia ven biển hay dùng mọi cách khác trái với các nguyên tắc của luật pháp quốc tế đã được nêu trong Hiến chương Liên hợp quốc; luyện tập hoặc diễn tập với bất kỳ kiểu loại vũ khí nào; thu thập tình báo gây thiệt hại cho quốc phòng hay an ninh của quốc gia ven biển; tuyên truyền nhằm làm hại đến quốc phòng hay an ninh của quốc gia ven biển; phóng đi, tiếp nhận hay xếp lên tàu các phương tiện bay; phóng đi, tiếp nhận hay xếp lên tàu các phương tiện quân sự; xếp hoặc dỡ hàng hoá, tiền bạc hay đưa người lên xuống tàu trái với các luật và quy định về hải quan, thuế khoá, y tế hoặc nhập cư của quốc gia ven biển; gây ô nhiễm cố ý và nghiêm trọng, vi phạm Công ước; đánh bắt hải sản; nghiên cứu hay đo đạc; làm rối loạn hoạt động của mọi hệ thống giao thông liên lạc hoặc mọi trang thiết bị hay công trình khác của quốc gia ven biển; mọi hoạt động khác không trực tiếp quan hệ đến việc đi qua. Ngoài ra, quốc gia ven biển có quyền ấn định các tuyến đường quy định việc phân chia các luồng giao thông dành cho tàu thuyền nước ngoài đi qua lãnh hải của mình. Tàu thuyền nước ngoài phải tuân thủ luật pháp của quốc gia ven biển về an toàn hàng hải, điều phối giao thông đường biển; bảo vệ các thiết bị công trình, dây cáp ống dẫn ở biển; bảo tồn tài nguyên sinh vật biển, giữ gìn môi trường biển; hải quan, thuế khoá, y tế, nhập cư.

- *Vùng tiếp giáp lãnh hải*, là vùng biển nằm ngoài lãnh hải và tiếp liền với lãnh hải, tại đó quốc gia ven biển thực hiện các thẩm quyền có tính riêng biệt và hạn chế đối với các tàu thuyền nước ngoài. Phạm vi của vùng tiếp giáp không vượt quá 24 hải lý tính từ đường cơ sở. Vùng tiếp giáp lãnh hải nằm trong vùng đặc quyền kinh tế, có quy chế của một vùng đặc biệt, không phải là một vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia và cũng không phải là vùng biển có quy chế tự do biển cả. Mọi sự trục vớt các hiện vật có tính lịch sử và khảo cổ từ đáy biển thuộc vùng tiếp giáp lãnh hải mà không được phép của quốc gia ven biển, đều được coi là vi phạm xảy ra trên lãnh thổ hoặc trong lãnh hải của quốc gia đó.

- *Vịnh*, có ba loại. Một là, vịnh do bờ biển của một quốc gia bao bọc, đó là một vùng lõm sâu rẽ vào đất liền mà chiều sâu của vùng lõm đó so sánh với chiều rộng ở ngoài cửa của nó đến mức là nước của vùng lõm đó được bờ biển bao quanh và vùng đó lõm sâu hơn là một sự uốn cong của bờ biển; đồng thời vùng lõm đó phải thoả mãn hai điều kiện : (1). Diện tích của vịnh ít nhất cũng bằng diện tích một nửa hình tròn có đường kính là đường thẳng kẻ ngang qua cửa vào của vùng lõm. Diện tích của một vùng lõm được tính giữa ngấn nước triều thấp nhất dọc theo bờ biển của vùng lõm và đường thẳng nối liền các ngấn nước triều thấp nhất ở các điểm của cửa vào tự nhiên. Nếu do có các đảo mà một vùng lõm có nhiều cửa vào thì nửa hình tròn nói trên có đường kính bằng tổng số chiều dài các đoạn thẳng cắt ngang các cửa vào đó. (2). Đường khép cửa vào tự nhiên của cửa vịnh không vượt quá 24 hải lý. Trong trường hợp ngược lại, thì cần phải vạch các đoạn cơ sở thẳng dài 24 hải lý ở phía trong cửa vịnh sao cho phía trong của nó có một diện tích tối đa. Hai là, vịnh do bờ biển của nhiều quốc gia bao bọc. Vì thế, các quốc gia có thể bằng con đường thoả thuận hoặc do toà án, công nhận chế độ đồng sở hữu vịnh và có thể quy định lãnh hải của mình trong vịnh. Ba là, vịnh lịch sử được căn cứ vào tập quán và các phán quyết của toà án và trọng tài quốc tế khi thoả mãn ba điều kiện : thực hiện chủ quyền một cách thực sự của quốc gia ven biển; thực hiện việc sử dụng vùng biển này một cách liên tục, hoà bình và lâu dài; có sự chấp nhận công khai hoặc sự im lặng không phản đối của các quốc gia khác, nhất là các quốc gia láng giềng và có quyền lợi tại vùng biển này.

- *Vùng đặc quyền kinh tế*, là vùng biển nằm ở phía ngoài lãnh hải và tiếp liền với lãnh hải, đặt dưới một chế độ pháp lý riêng, theo đó các quyền chủ quyền và quyền tài phán của quốc gia ven biển cũng như các quyền và các quyền tự do của các quốc gia khác đều do các quy định thích hợp của Công ước điều chỉnh. Vùng đặc quyền kinh tế có chiều rộng không vượt quá 200 hải lý tính từ đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải. Vùng đặc quyền kinh tế không phải là lãnh hải vì nó nằm ngoài lãnh hải, cũng không phải là một phần của biển cả. Vùng đặc quyền kinh tế là một vùng đặc biệt, trong đó quốc gia ven biển thực hiện thẩm quyền riêng biệt của mình nhằm mục đích kinh tế, được quy định bởi Công ước, mà không chia sẻ với các quốc gia khác. Tuy nhiên, so với thềm lục địa, vùng đặc quyền kinh tế không tồn tại mặc nhiên, do đó quốc gia ven biển phải yêu sách vùng này bằng một tuyên bố đơn phương. Trong vùng đặc quyền kinh tế, quốc gia ven biển có các quyền thuộc chủ quyền về việc thăm dò và khai thác, bảo tồn và quản lý các tài nguyên thiên nhiên, sinh vật hoặc không sinh vật, của vùng nước bên trên đáy biển, của đáy biển và lòng đất dưới đáy biển, cũng như về những hoạt động khác nhằm thăm dò và khai thác vùng này vì mục đích kinh tế. Cụ thể như việc sản xuất năng lượng từ nước, hải lưu và gió; quyền tài phán theo đúng những quy định thích hợp của Công ước về việc lắp đặt và sử dụng các đảo nhân tạo, các thiết bị và công trình; nghiên cứu khoa học về biển; bảo vệ và gìn giữ môi trường biển. Trong vùng đặc quyền kinh tế, tất cả các quốc gia, dù có biển hay không có biển, đều được hưởng các quyền tự do hàng hải và hàng không, quyền tự do đặt dây cáp và ống dẫn ngầm, cũng như quyền tự do sử dụng biển vào các mục đích khác hợp pháp về mặt quốc tế và gắn liền với việc thực hiện các quyền tự do này và phù hợp với các quy định khác của Công ước, nhất là trong khuôn khổ việc khai thác các tàu thuyền, phương tiện bay và dây cáp, ống dẫn ngầm. Đối với các tài nguyên không sinh vật, quốc gia ven biển tự khai thác hoặc cho phép quốc gia khác khai thác cho mình, đặt dưới quyền kiểm soát của mình. Đối với các tài nguyên sinh vật, quốc gia ven biển tự định ra tổng khối lượng có thể đánh bắt được, tự đánh giá khả năng thực tế của mình trong việc khai thác các tài nguyên sinh vật biển và ấn định số dư của khối lượng cho phép đánh bắt. Nếu số dư này tồn tại, quốc gia ven biển cho phép các quốc gia khác, thông qua các điều ước hoặc những thoả thuận liên quan, khai thác số dư của khối lượng cho phép đánh bắt này, có ưu tiên cho các quốc gia không có biển hoặc các quốc gia bất lợi về mặt địa lý. Ngoài ra, quốc gia ven biển có nghĩa vụ thi hành các biện pháp thích hợp về bảo tồn và quản lý, nhằm làm cho việc duy trì các nguồn lợi sinh vật trong vùng đặc quyền kinh tế của mình khỏi bị ảnh hưởng do khai thác quá mức. Các quốc gia ven biển có và các quốc gia khác quyền và nghĩa vụ trong việc bảo tồn các loài sinh vật biển cụ thể, như: các loài cá di cư xa; các loài có vú ở biển; các đàn cá vào sông sinh sản; các loài cá ra biển sinh sản; các loài định cư...

- *Thềm lục địa*, là vùng đáy biển và lòng đất dưới đáy biển nằm bên ngoài lãnh hải của quốc gia ven biển, trên phần kéo dài tự nhiên của lãnh thổ đất liền của quốc gia này cho đến bờ ngoài của rìa lục địa, hoặc đến cách đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải 200 hải lý, khi bờ ngoài của rìa lục địa của quốc gia này ở khoảng cách gần hơn. Trong trường hợp khi bờ ngoài của rìa lục địa của một quốc gia ven biển kéo dài tự nhiên vượt quá khoảng cách 200 hải lý tính từ đường cơ sở, quốc gia ven biển này có thể xác định ranh giới ngoài của thềm lục địa của mình tới một khoảng cách không vượt quá 350 hải lý tính từ đường cơ sở hoặc cách đường đẳng sâu 2.500 m một khoảng cách không vượt quá 100 hải lý. Quốc gia ven biển thực hiện các quyền thuộc chủ quyền đối với thềm lục địa về mặt thăm dò và khai thác tài nguyên thiên nhiên của mình. Những quyền chủ quyền của quốc gia ven biển đối với thềm lục địa của mình là những đặc quyền, nghĩa là nếu quốc gia ven biển này không thăm dò thềm lục địa hay không khai thác tài nguyên thiên nhiên của thềm lục địa (bao gồm các tài nguyên không sinh vật và các tài nguyên sinh vật thuộc loài định cư), thì không ai có quyền tiến hành các hoạt động như vậy, nếu không có sự thoả thuận rõ ràng của các quốc gia đó. Các quyền của quốc gia ven biển đối với thềm lục địa không phụ thuộc vào sự chiếm hữu thật sự hay danh nghĩa, cũng như vào bất cứ tuyên bố rõ ràng nào. Các quyền này tồn tại một cách mặc nhiên. Tất cả các quốc gia đều có quyền lắp đặt các dây cáp và ống dẫn ngầm ở thềm lục địa. Quốc gia đặt cáp hoặc ống dẫn ngầm phải thoả

thuận với quốc gia ven biển về tuyến đường đi của ống dẫn hoặc cáp. Khi quốc gia ven biển tiến hành khai thác thềm lục địa ngoài 200 hải lý kể từ đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải thì phải có một khoản đóng góp theo quy định của Công ước. Các quyền của quốc gia ven biển đối với thềm lục địa không đụng chạm đến chế độ pháp lý của vùng nước ở phía trên hay của vùng trời trên vùng nước này. Việc quốc gia ven biển thực hiện các quyền của mình đối với thềm lục địa không được gây thiệt hại đến hàng hải hay các quyền và các tự do khác của các quốc gia khác đã được Luật biển quốc tế năm 1982 thừa nhận, cũng không được cản trở việc thực hiện các quyền này một cách không thể biện bạch được. Quốc gia ven biển có đặc quyền cho phép và quy định việc khoan ở thềm lục địa bất kỳ vào mục đích gì.

**Hai là, về vùng biển nằm ngoài phạm vi chủ quyền và quyền tài phán của quốc gia ven biển, gồm :**

- *Biển cả*, là vùng biển nằm ngoài các vùng biển thuộc phạm vi chủ quyền và quyền tài phán quốc gia của các quốc gia ven biển. Trong vùng biển này, tất cả các quốc gia đều được hưởng các quyền tự do hàng hải; tự do hàng không; tự do đặt các dây cáp và ống dẫn ngầm; tự do xây dựng các đảo nhân tạo và các thiết bị khác được pháp luật cho phép; tự do đánh bắt hải sản; tự do nghiên cứu khoa học... Các quốc gia thực hiện các quyền tự do biển cả trên cơ sở tôn trọng và lưu ý tới lợi ích của nhau.

- *Đáy đại dương*, là đáy biển và lòng đất dưới đáy biển nằm bên ngoài các vùng biển thuộc quyền tài phán quốc gia.

Ngoài ra, luật biển còn quy định quyền và nghĩa vụ của các quốc gia không có biển. Theo đó, các quốc gia không có biển có quyền đi ra biển và đi từ biển vào để thực hiện các quyền mà những quốc gia này được hưởng theo Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982, kể cả các quyền liên quan tới tự do trên biển cả và liên quan đến những lợi ích phát sinh từ chế độ di sản chung của nhân loại. Các quốc gia không có biển thực hiện quyền đi ra biển thông qua những thoả thuận trực tiếp, phân khu vực hay khu vực với quốc gia láng giềng có biển - được gọi là quốc gia quá cảnh. Quốc gia quá cảnh có quyền định ra mọi biện pháp cần thiết để đảm bảo rằng các quyền và các điều kiện thuận lợi được quy định trong Công ước vì lợi ích của quốc gia không có biển không hề đụng chạm đến các quyền lợi chính đáng của quốc gia quá cảnh.